

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẢI PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẢI PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI PHAT INVESTMENT AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110296208

**3. Ngày thành lập:** 23/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2 Số 8 Nguyễn Khắc Cần, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0799558886

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                               | 4632        |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4633        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>(Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan) | 4669        |
| 4.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa<br>Chi tiết: Trồng hoa hàng năm                                                                                                                                                                                                             | 0118        |
| 5.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                                          | 0119        |
| 6.  | Trồng cây lâu năm khác<br>Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm                                                                                                                                                                                                                       | 0129        |
| 7.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                                              | 0131        |
| 8.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                                               | 0132        |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                        | 8230(Chính) |
| 10. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                 | 9311        |
| 11. | Hoạt động thể thao khác                                                                                                                                                                                                                                                          | 9319        |
| 12. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                    | 9321        |
| 13. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                          | 9329        |
| 14. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn quản lý dự án                                                                                                                                                                                       | 7110        |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                 | 4722        |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4723        |

|     |                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                               | 0810 |
| 18. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                 | 1071 |
| 19. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                         | 1075 |
| 20. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                | 1079 |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                           | 4931 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                              | 4932 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                | 4933 |
| 24. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                         | 5021 |
| 25. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                           | 5022 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                   | 5210 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                     | 5222 |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                              | 5224 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ | 5225 |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                              | 5610 |
| 31. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                      | 5621 |
| 32. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                          | 5629 |
| 33. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                       | 5630 |
| 34. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                 | 7721 |
| 35. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                         | 8130 |
| 36. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                             | 4229 |
| 37. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                    | 4299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                          | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>THANH HÀ | CH 501 Nhà<br>CT13A Khu đô<br>thị Nam Thăng<br>Long, Phường<br>Phú Thượng,<br>Quận Tây Hồ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 125.000       | 1.250.000.000            | 25,000       | 0011810508<br>98                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Tổng số                            | 125.000       | 1.250.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN MAI<br>TRANG      | Số 8 Nguyễn<br>Khắc Cần,<br>Phường Trảng<br>Tiền, Quận Hoàn<br>Kiếm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 125.000       | 1.250.000.000            | 25,000       | 0011900064<br>20                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             | Tổng số                            | 125.000       | 1.250.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                                                             |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                     |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN KIỀU TRANG | Số 8 Nguyễn Khắc Cần, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 250.000 | 2.500.000.000 | 50,000 | 001187026904 |
|   |                 |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                     | Tổng số                   | 250.000 | 2.500.000.000 | 50,000 |              |
|   |                 |                                                                                     |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN KIỀU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 24/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001187026904

Ngày cấp: 08/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 8 Nguyễn Khắc Cần, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 8 Nguyễn Khắc Cần, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội